

BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH NỘI DUNG BỔ SUNG, SỬA ĐỔI

NỘI DUNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 75/2009/QĐ-TTG	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ	CĂN CỨ, LÝ DO
Tên Quyết định	Quy định về chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.	Quy định chế độ hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản.	Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản không thuộc đối tượng được hưởng phụ cấp; thuộc nhóm đối tượng hưởng hỗ trợ hằng tháng.
Căn cứ	Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001; Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật xã hội hóa để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;	Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng;	Bổ sung, sửa đổi phù hợp với quy định hiện hành.
Điều 1	Phạm vi, đối tượng áp dụng	Phạm vi điều chỉnh	
	1. Quyết định này quy định về chế độ phụ cấp của nhân viên y tế thôn, ấp, bản, buôn, làng, sóc (sau đây gọi chung là thôn, bản). Mỗi thôn, bản được bố trí từ 01 đến 02 nhân	1. Quyết định này quy định về chế độ hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, xóm, tiểu khu, khu dân cư (gọi chung là nhân viên y tế thôn, tổ dân	- Thay đổi từ “Chế độ phụ cấp” thành “chế độ hỗ trợ hằng tháng” đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. - Thêm đối tượng nhân viên

	<p>viên y tế, căn cứ vào quy mô dân số và địa bàn hoạt động.</p> <p>2. Quyết định này không áp dụng đối với nhân viên y tế tại các tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn.</p>	<p>phố). Nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn, xã vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo (gọi chung là cô đờ thôn, bản).</p> <p>2. Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí từ 01 đến 02 nhân viên y tế căn cứ vào quy mô dân số và địa bàn hoạt động.</p>	<p>y tế tại tổ dân phố thuộc phường, thị trấn được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng đảm bảo thực hiện chế độ chính sách đối với nhóm đối tượng này và duy trì ổn định lực lượng nhân viên y tế tại tổ dân phố ở các phường, thị trấn.</p>
Điều 2	Mức hỗ trợ	Mức hỗ trợ	
Khoản 1	<p>1. Trong thời gian công tác, nhân viên y tế thôn, bản được hưởng phụ cấp hàng tháng.</p>	<p>1. Trong thời gian công tác, nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đờ thôn, bản được hỗ trợ hàng tháng.</p>	<p>Thay đổi từ “Chế độ phụ cấp” thành “chế độ hỗ trợ hàng tháng” thống nhất các nội dung trong Quyết định.</p>
Khoản 2	<p>2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản bằng 0,5 và 0,3 so với mức lương tối thiểu chung được quy định như sau:</p> <p>a) Mức 0,5 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.</p> <p>b) Mức 0,3 áp dụng đối với nhân viên y tế</p>	<p>2. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đờ thôn, bản bằng 0,7 và 0,5 so với mức lương cơ sở được quy định như sau:</p> <p>a) Mức 0,7 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đờ thôn, bản làm việc tại thôn, tổ dân phố có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng</p>	<p>Tăng mức hỗ trợ hàng tháng so với mức phụ cấp trước đây, đảm bảo đáp ứng thực tiễn và theo kiến nghị của các địa phương.</p>

	thôn, bản tại các xã còn lại.	khó khăn; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; b) Mức 0,5 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản làm việc tại thôn, tổ dân phố còn lại.	
Điều 3	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí	
	<p>1. Nguồn kinh phí chi trả phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản do ngân sách trung ương và địa phương bảo đảm.</p> <p>2. Ngân sách trung ương chi trả đối với các xã Vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>3. Ngân sách địa phương chi trả cho các xã còn lại. Đối với những địa phương khó khăn, chưa cân đối được nguồn, ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí chi trả mức phụ cấp quy định tại Quyết định này bình quân mỗi thôn, bản 01 nhân viên y tế.</p>	Nguồn kinh phí chi trả hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.	Thực hiện Luật ngân sách Nghị định số 33/2023/NĐ-CP: Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố....do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành
Điều 4	Hướng dẫn thi hành	Hướng dẫn thi hành	
Khoản 1	Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng,	Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng,	

	nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản	nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của đội ngũ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản.	
Khoản 2	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thực tế và khả năng ngân sách của địa phương quy định cụ thể:</p> <p>a) Số lượng nhân viên y tế thôn, bản. b) Mức trợ cấp thêm hàng tháng (nếu có) ngoài mức phụ cấp của nhân viên y tế thôn, bản được quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này.</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thực tế và khả năng ngân sách của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể:</p> <p>a) Số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản. b) Mức hỗ trợ cụ thể hàng tháng của nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản nhưng không thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này.</p>	Cơ bản giữ nguyên như Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg.
Điều 5	Hiệu lực thi hành	Hiệu lực thi hành	
	<p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. 2. Bãi bỏ nội dung quy định về chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản quy định tại: Quyết định số 24/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng</p>	<p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025. 2. Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân</p>	Sửa đổi phù hợp với quy định hiện hành.

	<p>Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010; Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010; Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 và Quyết định số 27/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010.</p>	<p>viên y tế thôn, bản hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.</p>	
Điều 6.		Điều khoản tham chiếu	

		Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quyết định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung.	Bổ sung để khi các văn bản dẫn chiếu thay đổi, nội dung dẫn chiếu được thay đổi theo.
Điều 7	Điều 6. Trách nhiệm thi hành	Trách nhiệm thi hành	
	Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Giữ nguyên như Quyết định số 75